

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày: 04/4/2022

*“Tranh chấp hợp đồng mua bán”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Trung Toàn;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Huê;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan;

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLST-DS ngày 22/11/2021 *“Tranh chấp hợp đồng mua bán”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-DS ngày 14/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Thanh P, sinh năm 1969; Địa chỉ: Làng K, xã Y, huyện ĐP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ B, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người làm chứng: Bà Phạm Thị T1 và ông Nguyễn Văn C;  
Cùng địa chỉ: Tổ B phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà T1 và ông C đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Lưu Thanh P trình bày: Tôi có cửa hàng bán vật tư nông nghiệp nên ông Nguyễn Anh T có đến mua hàng hóa tại cửa hàng của tôi và nợ tiền, đến ngày 24/10/2019 tôi và ông T chốt sổ thì ông T và cha của ông T là ông Nguyễn Văn C còn nợ tôi tổng số tiền là 131.593.000đ. Vì tôi nghĩ là cha con với nhau nên tôi chốt sổ chung, ông T đã xác nhận vào sổ nợ và hẹn sau khi thu hoạch mùa sẽ trả số nợ đó cho tôi. Từ đó đến nay ông T vẫn chưa trả số tiền nói trên nên tôi khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền nợ cho tôi. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án ông T không đồng ý trả khoản tiền 8.834.000đ do cha ông T là ông Nguyễn Văn C nợ mà chỉ đồng ý trả khoản tiền do ông T còn nợ là 122.759.000đ và trả trong thời hạn 03 năm. Vì

vậy, nay tôi xác định lại và thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Anh T phải trả cho tôi số tiền do ông T còn nợ là 122.759.000đ (Một trăm, hai mươi hai triệu, bảy trăm, năm mươi chín nghìn đồng). Đối với số nợ 8.834.000đ (Tám triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) của cha ông T nợ, tôi sẽ khởi kiện vụ kiện khác chứ tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn Ông Nguyễn Anh T trình bày: Thật ra tôi không biết ông P. Tôi và cha đẻ tôi tên Nguyễn Văn C, địa chỉ Tô 07, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai cùng làm rẫy gần nhau nên cha tôi dẫn tôi đến cửa hàng của ông P để mua nợ vật tư nông nghiệp về để làm rẫy. Việc mua nợ tôi và cha tôi cùng mua chứ không phải một mình tôi mua nợ. Đến ngày 24/10/2019 tôi có mua thêm 03 cuộn dây về tưới nước thì ông P tính sổ chung nợ của cha tôi là khoảng 8.834.000đ cộng với tiền nợ của tôi là 122.759.000đ nữa, tổng cộng là 131.593.000đ (Một trăm ba mươi một triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) và yêu cầu tôi ký xác nhận vào giấy nợ. Tôi nghĩ là cha, con với nhau, hơn nữa cha tôi có hứa bán đất cho tiền tôi trả số nợ đó cho ông P nên tôi có xác nhận số nợ chung là 131.593.000đ cho ông P. Chữ ký trong giấy nợ ông P nộp đúng là chữ ký của tôi nhưng thật sự trong số nợ 131.593.000đ có phần nợ của cha tôi là 8.834.000đ, số còn lại là 122.759.000đ do tôi nợ. Hôm nay, tôi đồng ý trả số tiền 122.759.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng) cho ông P chứ không có ý kiến gì nhưng tôi đang khó khăn về kinh tế, vợ tôi bỏ đi tôi sống một mình và nuôi các con ăn học nên xin trả dần trong thời hạn 03 năm chứ không có khả năng trả 01 lần. Nếu ông P không đồng ý thì tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị T1 trình bày trong hồ sơ: Chúng tôi là cha mẹ đẻ của Nguyễn Anh T. Chúng tôi có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông P và còn nợ số tiền 8.834.000đ là đúng. Do trước đây chúng tôi có ý định nhượng lại cho ông P 2 mét đất để trừ hết số nợ 131.593.000đ nhưng ông P không đồng ý. Nay ông P khởi kiện T số tiền 122.759.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng) thì T sẽ có trách nhiệm trả. Còn số nợ của vợ chồng tôi là 8.834.000đ (Tám triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) thì chúng tôi sắp xếp trả cho ông P chứ không ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu như sau: Trong đơn khởi kiện ông P yêu cầu ông T trả số tiền 131.593.000đ, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T trả số tiền 122.759.000đ và ông T cũng thừa nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông Nguyễn Anh T phải trả cho ông P số tiền 122.759.000đ còn nợ do mua hàng hóa. Đối với số nợ 8.834.000đ do ông C nợ ông P, khi nào ông P khởi kiện sẽ giải quyết vụ án khác. Về án phí, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, người làm chứng, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn cư trú tại phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai để tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2]. Về số tiền bị đơn còn nợ. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Anh T đều thừa nhận các chứng cứ mà phía nguyên đơn đã nộp cho Tòa án do ông T ký xác nhận và không ý kiến gì. Ông T thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông P và hiện còn nợ ông Lưu Thanh P số tiền 122.759.000đ như ông P trình bày. Ông T đề nghị được trả dần trong thời hạn 03 năm nhưng ông P không đồng ý. Như vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 122.759.000đ (Một trăm, hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng) là sự thật được các đương sự đều thừa nhận. Vì thế, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện tại, bị đơn chưa trả số tiền nợ nói trên cho nguyên đơn nên phải trả cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3]. Đối với số tiền nợ 8.834.000đ (Tám triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) ông Nguyễn Văn C nợ ông Lưu Thanh P nhưng ông P sẽ có yêu cầu khởi kiện trong vụ án khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Mức án phí có trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án chấp nhận tòa bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 6.137.900đ (Sáu triệu, một trăm, ba mươi bảy nghìn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 5, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 275, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Thanh P.

- Buộc ông Nguyễn Anh T phải có nghĩa vụ trả số tiền 122.759.000đ (Một trăm, hai mươi hai triệu, bảy trăm, năm mươi chín nghìn đồng) cho ông Lưu Thanh P.

Kể từ ngày ông Lưu Thanh P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Anh T không chịu thi hành khoản hết tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất theo các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

\* Về án phí: Buộc ông Nguyễn Anh T phải nộp số tiền 6.137.900đ (*Sáu triệu, một trăm, ba mươi bảy nghìn, chín trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Lưu Thanh P số tiền 3.290.000đ (*Ba triệu, hai trăm, chín mươi nghìn đồng*) theo biên lai tạm ứng án phí số 0011574 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

\* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án ngày 04/4/2022 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Trung Toàn**